

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Khánh Giang và bà Đặng Thị Thanh Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/03/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Đỗ Quang H trình bày:*

Vào ngày 10/01/2019 ông có cho chị Nguyễn Thị S trú tại thôn 14, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp vay số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) để đáo hạn ngân Hng thời hạn vay là 01 năm với lãi suất theo lãi suất ngân Hng. Đến hạn trả nợ chị S đã trả xong nợ cho ông.

Đến ngày 08/01/2020 chị Nguyễn Thị S tiếp tục vay của ông 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), hai bên có viết giấy vay nợ, thời hạn vay là 01 năm với lãi suất theo lãi suất ngân Hng. Đến ngày trả nợ chị S không trả nợ mà bỏ đi khỏi địa phương và hiện nay ông không biết cư trú ở đâu, khi đi chị S không thông báo cho ông biết địa chỉ. Do vậy nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị S phải trả cho ông số tiền đã vay là 70.000.000 đồng và lãi suất theo

thỏa thuận trong giấy vay tiền kể từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

** Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị S:*

Sau khi Toà án thụ lý, Toà án đã nhiều lần triệu tập mà bị đơn chị Nguyễn Thị S không có mặt, Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ được biết là chị Nguyễn Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương cách thời điểm xác minh khoảng 03 năm, tuy nhiên chị S đi đâu thì chính quyền địa phương không biết.

**Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Tuyết đồng ý với yêu cầu của ông H, yêu cầu chị S trả lại cho vợ chồng bà số tiền đã vay là 70.000.000 đồng và lãi suất như đã thỏa thuận trong giấy vay tiền.

Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án, Toà án thu thập hồ sơ vay vốn của chị Nguyễn Thị S lưu tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E để so sánh với chữ ký trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp đồng thời ra Quyết định trưng cầu giám định đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký của chị Nguyễn Thị S trong giấy vay tiền mà phía nguyên đơn cung cấp so với chữ ký trong hồ sơ vay vốn lưu tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại kết luận giám định số 62/KL-KTHS ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký Nguyễn Thị S trên giấy vay tiền ngày 08/01/2020 so với chữ ký Nguyễn Thị S trong hồ sơ vay vốn lưu tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E là do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nên được coi là cố tình dấu địa chỉ nên cần xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị S phải trả lại số tiền đã vay cho nguyên đơn ông Đỗ Quang H là 70.000.000 đồng và tiền lãi suất như trong giấy vay tiền và tại phiên toà nguyên đơn đã trình bày kể từ ngày vay đến ngày xét xử là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Quang H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị S phải trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền ngày 08/01/2020. Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Toà án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và qua giám định chữ ký trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đã có cơ sở xác định: Ngày 08/01/2020 chị S có vay của gia đình ông H số tiền 70.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm với lãi suất theo lãi suất của ngân hàng. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng chị S không trả tiền cho gia đình ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị S phải trả số tiền đã vay 70.000.000đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Ông H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi tính từ ngày vay 08/01/2020 đến khi giải quyết xong. Tại phiên toà ông H trình bày lãi suất hai bên thoả thuận theo lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện E là 01%/tháng. Do vậy cần áp dụng mức lãi suất này để tính lãi là phù hợp với pháp luật. Lãi suất được tính như sau:

Lãi trong hạn từ ngày vay 08/01/2020 đến ngày 08/01/2021 là 12 tháng $(70.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}) = 8.400.000\text{đ}$.

Lãi quá hạn từ ngày 09/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/7/2022 là 18 tháng 20 ngày $(70.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 150\% \times 18 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}) = 19.600.000\text{đ}$

Tổng cộng tiền lãi là: $8.400.000\text{đ} + 19.600.000\text{đ} = 28.000.000\text{đ}$

[3] Về chi phí giám định: Xét thấy việc giám định chữ ký là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, do bị đơn vắng mặt nên cần phải giám định chữ ký của bị đơn trong giấy vay tiền, do đó buộc bị đơn chị Nguyễn Thị S phải chịu chi phí giám định. Ông Đỗ Quang H đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.200.000đ nên cần buộc chị Nguyễn Thị S phải trả lại cho ông H tiền chi phí giám định trên

[4] Về án phí: Bị đơn chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Quang H. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị S phải trả cho ông Đỗ Quang H và bà Nguyễn Thị T số tiền đã vay là 70.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2022 là 28.000.000đ. Tổng cộng là: 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Đỗ Quang H và bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Thị S còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] **Về Chi phí giám định:** Buộc chị Nguyễn Thị S phải trả cho ông Đỗ Quang H tiền chi phí giám định là: 3.200.000đ.

[3] **Về án phí:** Tuyên buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 4.900.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Đỗ Quang H số tiền 1.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010293 ngày 28/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[4] **Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi Hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên